TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/DS-PT
Ngày: 08/6/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy

Ông Phan Minh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc vô hiệu.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 320/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Th, sinh năm 1938; địa chỉ: Số nhà 312 Tr, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh B.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1960 (có mặt); địa chỉ: Thôn H, xã Ch, huyện T, tỉnh B (theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2022).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1969 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Th, phường T, Thị xã H, Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Bùi Phúc Th – Công ty Luật hợp danh N thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: A804 Chung cư C4, đường M, phường H, thành phố Th, thành phố H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Võ Tuấn D, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 15, khu phố Gi, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh B.

2. Văn phòng Công chứng H,

Đại diện theo pháp luật: Ông Cao Bá Th - Công chứng viên.

Địa chỉ: Số nhà 177, Quốc lộ 1A, phường T, thị xã H, Bình Định (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Vào ngày 25/8/2017 ông Võ Th có thỏa thuận với vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V mua 01 chiếc tàu cá BĐ 95147 TS với giá trị 1.150.000.000 đồng, ông Th đặt cọc trước 20.000.000 đồng. Sau đó, ông Th tiếp tục chuyển cọc hai lần tiền là 300.000.000 đồng cho vợ chồng ông Q. Ngày 03/01/2018, con ông Võ Th là Võ Tuấn D được ông Th yêu cầu đến gặp vợ chồng ông Q, bà V để xác nhận lại số tiền cọc mua tàu là 320.000.000 đồng, đồng thời đến địa phương để ký xác nhận về thông tin tàu cá. Tuy nhiên, không biết lý do gì mà vợ chồng ông Q bà V lại nhờ người khác là ông Lê Văn Th đến tại Văn phòng Công chứng H, ký kết Hợp đồng đặt cọc, số công chứng 89 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2018, việc ký kết Hợp đồng đặt cọc này không có mặt ông Võ Th. Sau khi ký kết hợp đồng, con ông Th là ông D đã mang Hợp đồng và Sổ đăng kiểm tàu cá về, thì ông Th phát hiện việc ký Hợp đồng đặt cọc không có ông Th là không đúng, đồng thời năm sản xuất của chiếc tàu cá là 1995 cũng không đúng với lời nói của vợ chồng ông Q bà V lúc thực hiện thỏa thuận mua bán. Sau đó, việc mua bán tàu cá không thực hiện được, ông Võ Thanh có yêu cầu vợ chồng ông Q bà V trả lại tiền cọc nhưng ông Q bà V không trả. Nay ông thay mặt ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết vô hiệu Hợp đồng đặt cọc, số công chứng 89 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2018 được Văn phòng công chứng H chứng thực và trả lại cho ông Võ Th số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Ông rút yêu cầu với số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng tại Hợp đồng bán tàu ngày 25/8/2017, rút yêu cầu hủy hợp đồng bán tàu giữa hai bên ngày 25/8/2017.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V trình bày:

Vợ chồng ông Q, bà V thừa nhận ngày 25/8/2017 có thỏa thuận bán cho ông Võ Th 01 chiếc tàu cá BĐ 95147 TS với giá trị 1.150.000.000 đồng, hai bên lập giấy mua bán viết tay, ông Th có đặt cọc 20.000.000 đồng. Hẹn đến ngày 06/9/2017 sẽ giao tiền đủ và giao nhận tàu. Tuy nhiên, sau đó ông Th không có tiền nên kéo dài thời gian giao tiền nhận tàu. Trong thời gian chờ giao nhận tàu và tiền thì ông Th yêu cầu vợ chồng ông Q tu bổ tàu, làm nước ghe, thay máy phụ và thuê

người trông giữ tàu. Ông Th có chuyển thêm 300.000.000 đồng tiền đặt cọc cho vợ chồng ông Q vào tháng 11/2017.

Đến ngày 03/01/2018, ông Võ Th cho con trai là Võ Tuấn D mang Chứng minh nhân dân của ông Th ra gặp vợ chồng ông Q đề nghị ký hợp đồng công chứng để ông Th có điều kiện vay tiền mua tàu. Trước đó, ông Th có gọi điện cho vợ chồng ông Q nói rõ vấn đề trên. Vì tin tưởng ông Th nên vợ chồng ông Quý mới đồng ý ký vào Hợp đồng đặt cọc ngày 03/01/2018 tại phòng công chứng. Ông D có nhờ ông Lê Văn Th là tài công chạy giúp tàu về B và ký tên "Võ Th" vào hợp đồng đặt cọc thay ông Võ Th.

Vì tin tưởng ông Võ Th, nên vợ chồng ông Q vẫn giữ tàu đến hôm nay, chờ ông Th đến giao tiền nhận tàu, nhưng ông Th đã mua tàu khác và không tiếp tục mua bán. Nay ông Th yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc vợ chồng ông không đồng ý. Vì trên thực tế số tiền cọc ông Th giao vợ chồng ông Q đã sử dụng để bảo dưỡng tàu cá không đủ. Yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Đại diện theo uỷ quyền của ông Võ Tuấn D là ông Võ Th trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2021, Công chứng viên Cao Bá Th trình bày: Ngày 03/01/2018 Công chứng viên đã ký chứng thực hợp đồng đặt cọc giữa ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V với ông Võ Th, ông Võ Tuấn D theo đúng quy định của pháp luật. Nay ông Võ Th khởi kiện yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng đặt cọc, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 320/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Th:

Tuyên bố Hợp đồng đặt cọc số công chứng 89 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2018 được Văn phòng công chứng H ký chứng thực là vô hiệu.

Đình chỉ yêu cầu Hủy Hợp đồng bán tàu giữa ông Võ Văn Q với ông Võ Th lập ngày 25/8/2017. Đình chỉ một phần yêu cầu đối với số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng theo Hợp đồng bán tàu ngày 25/8/2017.

2. Về xử lý hậu quả Hợp đồng: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V trả cho ông Võ Th số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Th, không yêu cầu phạt cọc.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bồi thường thiệt hại do tàu không hoạt động trong thời gian chờ giao tàu cho nguyên đơn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung như trên.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn ông Võ Th khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng đặt cọc ngày 03/01/2028 giữa ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V với anh Võ Tuấn D (gọi là hợp đồng đặt cọc ngày 03/01/2028) đồng thời yêu cầu hủy hợp đồng bán tàu ngày 25/8/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán tàu và thay đổi nội dung khởi kiện là yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 03/01/2018 vô hiệu. Như vậy, nguyên đơn chỉ tranh chấp hợp đồng đặt cọc ngày 03/01/2028 với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 328 Bộ luật dân sự xác định lại quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Vào ngày 25/8/2017, ông Võ Th có thỏa thuận với vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V mua 01 chiếc tàu cá số hiệu BĐ-95147-TS, với số tiền 1.150.000.000 đồng. Hai bên chỉ viết giấy mua bán tay và bên mua là ông Th đặt cọc số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, ngày 18/11/2017 ông Võ Th chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị V số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 09/12/2017 ông Th tiếp tục chuyển cho bà V số tiền 230.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đã chuyển cọc là 350.000.000 đồng. Sau đó, anh Võ Tuấn D là con của ông Võ Th đã nhận lại 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 300.000.000 đồng.

Ngày 03/01/2018 ông Võ Th yêu cầu con trai là anh Võ Tuấn D đến gặp vợ chồng ông Q bà V để xác nhận lại hợp đồng đặt cọc và xác nhận về số tiền mà bên mua đã giao cho bên bán. Nhưng vợ chồng ông Q, bà V lại cùng với ông D đến Văn phòng công chứng H ký Hợp đồng đặt cọc với nhau về số tiền 300.000.000 đồng, mà không có mặt ông Võ Th là người trực tiếp mua tàu cá số hiệu BĐ-95147-TS của ông Q, bà V. Chữ ký trong hợp đồng đặt cọc ngày 03/01/2018 không phải là của ông Võ Th mà là chữ ký của ông Lê Văn Th do ông Q, bà V nhờ ký vào hợp đồng.

Như vậy, người đặt cọc tiền mua bán chiếc tàu cá BĐ-95147-TS là ông Võ Th, nhưng người ký vào hợp đồng đặt cọc là một người khác, không đúng với ý chí của ông Võ Th. Mặc khác, theo quy định tại Điều 328 BLDS thì hợp đồng đặt cọc không bắt buộc phải có công chứng, chứng thực. Tuy nhiên, Hợp đồng đặt cọc ngày 03/01/2028 có công chứng nhưng tại thời điểm công chứng thì không có mặt của người đặt cọc tiền để mua chiếc tàu cá là ông Võ Th và chữ ký trong hợp đồng do một người khác là ông Lê Văn Th giả chữ ký ông Võ Th nhưng Công chứng viên vẫn tiến hành công chứng là không đúng với luật Công chứng. Do đó, Hợp đồng đặt cọc ngày 03/01/2018 không tuân thủ về điều kiện của hợp đồng do bị nhầm lẫn nên vô hiệu theo quy định tại Điều 122 và Điều 126 Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng đặt cọc ngày 03/01/2028 vô hiệu do giả tạo là không đúng với quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự.

[2.2] Hợp đồng đặt cọc ngày 03/01/2018 vô hiệu là do lỗi của hai bên nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 131 Bộ luật dân sự buộc ông Q bà V phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Th số tiền cọc đã nhận là 300.000.000 đồng là có cơ sở.

[2.3] Đối với nội dung ông Q, bà V kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại do tàu không hoạt động trong thời gian chờ giao tàu cho nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Q, bà V không cung cấp được chứng cứ chứng minh nội dung kháng cáo của Ông Bà nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V, sửa quan hệ pháp luật đối với Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Tòa.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 328, Điều 126 và khoản 2 Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận nôi dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 320/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định về quan hệ pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Th.

4. Tuyên bố Hợp đồng đặt cọc số công chứng 89 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2018 được Văn phòng công chứng H ký chứng thực là vô hiệu.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V phải hoàn trả cho ông Võ Th số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu Hủy Hợp đồng bán tàu giữa ông Võ Văn Q với ông Võ Th lập ngày 25/8/2017.

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q bà Nguyễn Thị V phải chịu 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V không phải chịu.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

7.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm